

Bản án số: 155/2021/DS-PT

Ngày: 31/03/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tặng-cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tranh chấp tài sản gắn liền với đất và hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Trần Văn Mười

bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 06 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng-cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tranh chấp tài sản gắn liền với đất và hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 318/2021/QĐ-PT ngày 23/02/2021 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

1.1/Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1946 (chết vào ngày 21/08/2017);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc V:

1.1.1/Bà Trần Thị Tuyết Ng, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

1.1.2/Ông Trần Minh T, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

1.1.3/Ông Trần Quang V, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Tuyết Ng, ông Trần Minh T, ông Trần Quang V (theo văn bản ủy quyền ngày 26/09/2017);:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: 202 Trần Phú, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

1.1.4/Ông Trần Quang T (chết ngày 03/07/2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quang T:

Cháu Trần Thị Thúy V (sinh năm 2006, là con của ông Trần Quang T).

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Thị Thúy V:

Bà Lê Thị X, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

1.1.5/Bà Trần Bích N, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

1.1.6/Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Hòa T, huyện GR, tỉnh Kiên Giang

1.1.7/Bà Trần Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Bình Tân, phường Long B, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Bích N, ông Trần Ngọc V, bà Trần Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 26/09/2017);:

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: 202 Trần Phú, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

1.1.8/Ông Trần Tấn T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

1.2/Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951 (vắng mặt); Địa chỉ: 85/12/5, khu vực 1, phường N, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang; Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: 202 Trần Phú, phường C, quận N, Tp. Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1/Ông Trần Thiện H1, sinh năm 1978 (có mặt);

2.2/Bà Phạm Thị Ngọc H2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thiện H1 (văn bản ủy quyền ghi ngày 16/11/2020 có sự chứng nhận của Văn phòng Công chứng Tô Khắc Việt, Thành phố Hồ Chí Minh):

Ông Tạ Thanh P, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 115/26 Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi của ông Trần Thiện H1:

Luật sư Vũ Quốc T, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Bà Trần Thị T (chết vào ngày 28/09/2018);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T gồm có :

3.1.1/Các con của ông Nguyễn Văn A (chết năm 2013): ông Nguyễn Thế Nhân (địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Thạnh T, B, Bến Tre); ông Nguyễn Đình H (địa chỉ: 02/11 ấp Trường Lưu, xã Trường Đ, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh); ông Nguyễn Trung Kiên (địa chỉ: ấp Khu phố Mỹ Thuận, phường Nhị M, thị xã CL, Tiền Giang).

3.1.2/Ông Nguyễn Văn S (địa chỉ: khu vực 3, phường I, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang);

3.1.3/Ông Nguyễn Văn L (địa chỉ: khu vực 3, phường I, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang);

3.1.4/Ông Nguyễn Văn H (địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn L (văn bản ủy quyền ghi ngày 02/01/2020 và ngày 06/01/2020):

Ông Trần Tấn T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3.1.5/Ông Nguyễn Văn H (địa chỉ: khu vực 3, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang)

3.1.6/Ông Nguyễn Văn Th (địa chỉ: khu vực 3, phường I, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th (văn bản ủy quyền ghi ngày 02/01/2020):

Ông Trần Tấn T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3.2/Ông Nguyễn Văn Th1 (chết vào năm 2013);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Th1:

3.2.1/Bà Trương Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 3, phường I, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3.2.2/Bà Nguyễn Bé Ph (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 2, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3.2.3/Bà Nguyễn Bé Ng (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Nhơn Khánh, xã Nhơn N, huyện PD, thành phố Cần Thơ.

3.2.4/Ông Nguyễn Thái T (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 3, phường 1, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thái T, bà Trương Thị H, bà Nguyễn Bé Ng (văn bản ủy quyền ghi ngày 02/01/2020, ngày 03/01/2020, ngày 08/01/2020):

Ông Trần Tấn T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3.3/Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (vắng mặt);

Địa chỉ: tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3.4/Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang (đương sự vắng mặt do có văn bản ghi ngày 22/03/2021 yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực 4, phường N, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

3.5/Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Hậu Giang;

Người đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Hậu Giang:

Bà Lê Nguyễn Hiền D, sinh năm 1980 (có mặt).

4/Người kháng cáo:

4.1/Bà Nguyễn Thị H (là nguyên đơn);

4.2/Ông Trần Thiện H1 và bà Phạm Thị Ngọc H2 (là bị đơn);

4.3/Ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Thái T, bà Nguyễn Bé Ng, bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Bé Ph, ông Nguyễn Văn L (là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/10/2015; 12/04/2016, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H như sau:

Vào năm 2008, vợ-chồng ông Trần Ngọc V (chết vào ngày 18/08/2017) và bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Th (em trai bà H) một thửa đất vườn (trồng cây lâu năm), diện tích là 2.825,2 m² với giá 150.000.000 đồng. Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 24/11/2008.

Vào cuối năm 2009, ông V và bà H lập hợp đồng, tặng-cho các người con của ông V-bà H, gồm có: bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Ngọc V, ông Trần Thiện H1, bà Trần Thị T (là mẹ của bà H) và ông Nguyễn Văn Th1 (là em ruột của bà H; ông Thiết đã chết vào năm 2013), mỗi người 200 m² đất (là các thửa đất số 2722; 2723, nay là thửa 49; 2724; 2725; 2726; 2727; 2728; 2729; 2730) với thỏa thuận rằng họ chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp cho ông V-bà H làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất (từ đất trồng cây lâu năm, sang đất ở đô thị) và cam kết sẽ tặng lại cho ông V-bà H khi cần.

Sau đó, do muốn xây dựng mới và mở rộng khu nhà trọ, nên ông V, bà H nhờ ông H1 liên hệ với ngân hàng để vay tiền. Ông H1 nói rằng ông V-bà H lớn tuổi, ngân hàng không cho vay và đề nghị mọi người làm thủ tục tặng-cho quyền sử dụng đất cho ông H1 để sau đó, thế chấp ngân hàng vay tiền, nên ông V-bà H đồng ý; ông H1 cũng cam kết rằng sau khi sự việc hoàn tất, sẽ chuyển lại quyền sử dụng đất cho ông V-bà H. Vì vậy, vào ngày 18/01/2015 ông V và bà H họp toàn bộ gia đình, lập văn bản với nội dung như sau: ông H1 và bà Phạm Thị Ngọc H2 (là vợ của ông H1) cam kết sẽ chuyển trả lại toàn bộ số đất thổ cư đã đứng tên giúp ông V-bà H, cùng với nhà ở và phòng trọ xây dựng trên đất.

Trong thời gian vừa qua, vào ngày 08/05/2015, ông H1 và bà H2 đã ký hợp đồng, chuyển lại quyền sử dụng phần đất có diện tích 198,3 m² thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 41 (dưới hình thức hợp đồng tặng-cho) cho ông V-bà H, nhưng không thực hiện việc sang tên cho ông V-bà H những căn nhà và thửa đất còn lại.

Do đó, bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V, khởi kiện và yêu cầu như sau:

-Tuyên bố các hợp đồng tặng-cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập giữa bà H-ông V với bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị T, là vô hiệu;

-Tuyên bố các hợp đồng tặng-cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập giữa bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn G,

bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị T với ông Trần Thiện H1, là vô hiệu;

Những hợp đồng nói trên liên quan đến 07 thửa đất tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang, kê ra sau đây:

-Thửa đất số 2722, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00620 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 08/10/2010;

-Thửa đất số 2724, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00621 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 08/10/2010;

-Thửa đất số 2725, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00622 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 08/10/2010;

-Thửa đất số 2726, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00618 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 08/10/2010;

-Thửa đất số 2727, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00018 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 31/12/2009;

-Thửa đất số 2728, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01947 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 01/03/2011.

-Thửa đất số 2729, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00619 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 08/10/2010.

Các nguyên đơn đồng ý cho ông Trần Thiện H1 thửa đất số 2730, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH001948 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 ngày vào ngày 01/03/2011; đất tọa lạc tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang;

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất xác lập vào ngày 08/05/2015 được công chứng tại Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang, xác lập quyền sử dụng của bà H-ông V đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 41 (thửa cũ là 2723, TĐĐ 20), diện tích là 198,3 m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04835 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 vào ngày 26/02/2015; đất tọa lạc tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Trên những phần đất tranh chấp nói trên, có 02 căn nhà ở, 08 phòng trọ và cây trồng, do bà Trần Bích N, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Tuyết Ng, ông Trần Minh T quản lý, sử dụng; Yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của vợ chồng bà H-ông V đối với toàn bộ tài sản gắn liền với đất và giao cho bà H, bà Ngọc, bà Nga, ông Toàn quản lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lý do như sau: tài sản mà ông H1 thế chấp cho ngân hàng, là tài sản do ông H1 đứng tên dùm cho ông V-bà H.

Theo đơn phản tố ghi ngày 28/04/2016 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thiện H1 và bà Phạm Thị Ngọc H2 trình bày ý kiến như sau:

Ông H1 và bà H2 cho rằng các thửa đất số 2722, 2723 (nay là thửa số 49), 2724, 2725, 2726, 2728, 2729, 2730 là do đương sự nhận chuyển nhượng và tặng-cho từ ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn Th1, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị T, ông Trần Quang V, bà Trần Bích N hợp pháp và đã được Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông H1-bà H2 không đồng ý với yêu cầu của ông V-bà H. Ông H1 và bà H2 cho rằng chữ ký trong “*Tờ hợp gia đình*” ngày 18/01/2015 không phải do đương sự ký ra. .

Ông H1-bà H2 có yêu cầu phản tố như sau:

-Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất lập vào ngày 08/05/2015 được công chứng tại Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 41, diện tích 198,3 m².

Đối với khoản nợ của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam, tại biên bản hòa giải ngày 16/07/2018, phía bị đơn đồng ý trả nợ và đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo luật định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

Ý kiến của bà Trần Thị H:

Bà Hạnh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Văn G và ông Trần Thiện H1 vào ngày 10/05/2010 liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản là thửa đất số 2726, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Bà Hạnh cho rằng tài sản nói trên là tài sản chung của vợ-chồng bà Hạnh-ông Giàu có trong thời kỳ hôn nhân. Nhưng khi các bên ký kết hợp đồng, bà Hạnh không biết và cũng không ký tên vào hợp đồng

Ý kiến của ông Nguyễn Văn G:

Ông Giàu cũng có yêu cầu hủy hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà Trần Thị H và ông Trần Thiện H1 ngày 10/05/2010 liên quan đến tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 2729, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Ông Giàu cho rằng tài sản nói trên là tài sản chung của vợ-chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nhưng khi bà Hạnh ký kết hợp đồng tặng-cho, ông H1 không biết và không ký tên vào hợp đồng tặng-cho nêu trên. Mặt khác, tài sản này thực chất là của bà H và ông V; bà Hạnh chỉ là người đứng tên giúp, không có quyền tặng-cho người khác.

Ý kiến của ông Trần Ngọc V:

Ông Vinh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Thiện H1 vào ngày 13/05/2010 liên quan đến tài sản là thửa đất số 2725, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang. Ông Vinh cho rằng đây là tài sản chung của vợ-chồng ông Vinh-bà Thương có trong thời kỳ hôn nhân nhưng khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất, ông Vinh không biết và không ký tên vào hợp đồng, không nhận tiền từ việc chuyển nhượng. Mặt khác, tài sản này là của bà H và ông V; bà Thương chỉ là người đứng tên giúp, không có quyền chuyển nhượng cho người khác.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Th:

Bà Thương yêu cầu hủy hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất ký giữa ông Trần Ngọc V và ông Trần Thiện H1 vào ngày 13/05/2010 liên quan đến tài sản là thửa đất số 2722, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang. Bà Thương cho rằng đây là tài sản chung của vợ-chồng ông Vinh-bà Thương có trong thời kỳ hôn nhân nhưng khi định đoạt tài sản, bà Thương không biết và không ký tên vào hợp đồng. Mặt khác, tài sản này là của bà H và ông V; ông Vinh chỉ là người đứng tên giúp, không có quyền tặng-cho người khác.

Ý kiến của bà Trần Thị T:

Bà Tám yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký với ông Trần Thiện H1 vào ngày 02/12/2010 đối với thửa đất số 2728 vì cho rằng bị lừa dối khi ký hợp đồng. Khi ký kết, ông H1 không đọc nội dung cho bà Tám nghe và bà Tám cũng không nhận khoản tiền nào của ông H1; mục đích của việc giao kết hợp đồng là để trả lại đất cho bà H.

Ý kiến của bà Trần Bích N:

Bà Ngọc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết với ông Trần Thiện H1 vào ngày 02/12/2010 liên quan tài sản là thửa đất số 2730 vì cho rằng hợp đồng này là hợp đồng giả tạo; ông H1 chỉ là người đứng

tên chủ sử dụng đất giúp cho bà H, không phải là chủ sở hữu thật sự. Bản thân bà Ngọc cũng không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông H1-bà H2 do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ý kiến của ông Trần Tấn T:

Ông Tài cũng yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Tài và ông Trần Thiện H1 vào ngày 06/05/2010 liên quan đến tài sản là thửa đất số 2724, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường M, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Ông Tài cho rằng hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất nói trên là hợp đồng giả tạo, mục đích của việc giao kết hợp đồng là để trả lại đất cho bà H; ông H1 chỉ là người đứng tên chủ sử dụng đất giúp bà H, không phải là chủ sở hữu thật sự.

Sau đó, tại đơn ghi ngày 12/07/2018, ông Tài rút lại yêu cầu độc lập nói trên; ông Tài đồng ý với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1.

Ý kiến của bà Trương Thị H (là vợ của ông Thiệt):

Việc ông Thiệt được bà H tặng cho quyền sử dụng đất và việc ông Thiệt chuyển nhượng đất cho ông H1, thì bà Hoa và các người con (của bà Hoa và ông Thiệt) đều không biết.

Những người con của ông Thiệt-bà Hoa, gồm có: bà Nguyễn Bé Ph, bà Nguyễn Bé Ng, ông Nguyễn Thái T đều không có ý kiến gì trong vụ án này.

Ý kiến của bà Trần Thị Tuyết Ng, ông Trần Minh T, ông Trần Quang V:

Yêu cầu Tòa án buộc ông H1 phải trả lại toàn bộ các thửa đất, nhà ở, nhà trọ trên đất mà ông H1 đang đứng tên giúp cho bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến của ông Trần Quang T (ông Tiến đã chết vào ngày 03/07/2019):

Tại bản tự khai ngày 25/08/2017, ông Tiến yêu cầu Tòa án buộc ông H1 phải trả lại toàn bộ các thửa đất, nhà ở, nhà trọ trên đất mà ông H1 đang đứng tên, cho bà H.

Sau khi ông Tiến chết, thì bà H và bà Lê Thị X (là người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Thị Thúy V-con của ông Tiến) yêu cầu tiếp tục giải quyết theo yêu cầu của ông Tiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

Ý kiến của Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang:

Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang đã thực hiện công chứng các hợp đồng tặng-cho và chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam—chi nhánh Tây Nam (nay là chi nhánh Hậu Giang):

Ngân hàng đã ký kết với ông H1 02 hợp đồng tín dụng sau đây:

-Hợp đồng tín dụng số 0020/2016/7505892/HĐTD ngày 04/11/2016 với số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất là 8%/năm, ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 03/10/2017, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán lúa;

-Hợp đồng tín dụng số 004/2017/7505892/HĐTD ngày 15/02/2017 với số tiền vay là 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất vay là 8,4%/năm, ngày đến hạn trả nợ gốc là ngày 15/01/2018, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán lúa.

Tài sản bảo đảm của hai hợp đồng tín dụng nói trên là quyền sử dụng đất theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây (hợp đồng thế chấp bất động sản số 0046/2015/7505892/HĐBĐ ngày 03/12/2015 ký kết giữa giữa ông H1 và bà H2 với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Nam):

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số CH05296 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp ngày 14/09/2015; thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41, diện tích 200 m² tại KV 1, phường M, thành phố VT, Hậu Giang;

-Giấy chứng nhận QSDĐ số CH05297 do UBND thành phố VT cấp vào ngày 14/09/2015; thửa đất số 46, tờ bản đồ số 41, diện tích 200 m² tại KV 1, phường III, TP. Vị Thanh, Hậu Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1 trả lãi đúng hạn. Nay ngân hàng yêu cầu ông H1 trả cho ngân hàng số tiền còn nợ, tính đến ngày 11/12/2019 với dư nợ gốc là 600.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 105.037.261 đồng; nợ lãi quá hạn là 49.858.630 đồng; tổng cộng phải trả 754.895.891 đồng.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 18/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định như sau:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế của ông Trần Ngọc V đối với các bị đơn là ông Trần Thiện H1, bà Phạm Thị Ngọc H2.

-Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Thiện H1, bà Phạm Thị Ngọc H2.

-Chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

-Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Ngọc V, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Th; bà Trần Bích N, bà Trần Thị T.

-Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Tấn T.

Tuyên bố các hợp đồng dân sự sau đây là vô hiệu:

-Hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với ông Trần Ngọc V lập vào ngày 17/11/2009; hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V với ông Trần Thiện H1 lập vào ngày 13/05/2010 đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 2722, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00620 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với ông Trần Tấn T lập vào ngày 17/11/2009 và hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất ký kết giữa ông Trần Tấn T với anh Trần Thiện H1 vào ngày 06/05/2010 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 2724, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00621 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị Th lập vào ngày 17/11/2009 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Th với ông Trần Thiện H1 lập vào ngày 13/05/2010 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 2725, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41), diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00622 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn G lập vào ngày 17/11/2009 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn G với ông Trần Thiện H1 lập vào ngày 10/5/2010 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 2726, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 41), diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00618 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với ông Trần Thiện H1 lập vào ngày 17/11/2009 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2727, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00018 ngày 31/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với bà Trần Thị T lập vào ngày 17/11/2009 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T với ông Trần Thiện H1 lập vào ngày 02/12/2010 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 2728, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 41), diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01947 ngày 01/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H với bà Trần Thị H lập vào ngày 17/11/2009 và hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị H với ông Trần Thiện H1 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 2729, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 41), diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00619 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1.

Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây:

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00620 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00621 ngày 08/10/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05296 ngày 14/09/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện (tương ứng giấy cũ số CH 00622 ngày 08/10/2010);

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05297 ngày 14/09/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 (tương ứng giấy cũ CH00618 ngày 08/10/2010);

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00018 ngày 31/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05345 ngày 02/10/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 (tương ứng giấy cũ CH 01947 ngày 01/03/2011)

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05346 ngày 02/10/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 (tương ứng giấy cũ CH00619 ngày 08/10/2010).

Công nhận hợp hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Thiện H1, bà Phạm Thị Ngọc H2 và ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị H lập vào ngày 08/05/2015, công chứng tại Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 41, diện tích 198,3 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04835 ngày 26/02/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế của ông Trần Ngọc V (gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết Nga, ông Trần Minh T, ông Trần Quang V, ông Trần Ngọc V, ông Trần Quang T (có người thừa kế là bà H và Trần Lê Thúy Vy), bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Trần Thiện H1 được quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2722, thửa 2723 (thửa mới số 49, tờ bản đồ số 41), thửa 2724, thửa 2725 (thửa mới 47), thửa 2726 (thửa mới 46, tờ bản đồ số 41), thửa 2727, thửa 2728 (thửa mới 43, tờ bản đồ số 41),

thửa 2729 tờ bản đồ số 20 (thửa mới 42, tờ bản đồ số 41) và được quyền sở hữu đối với căn nhà và 08 phòng trọ, cây trồng gắn liền với đất (có biên bản thẩm định kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cho ông Trần Thiện H1 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2730, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH001948 do Ủy ban nhân dân thành phố VT cấp cho ông Trần Thiện H1 (thửa mới số 41, tờ bản đồ số 41, giấy số CH05347 ngày 02/10/2015)

Buộc ông Trần Thiện H1 có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam—chi nhánh Tây Nam, tổng số tiền tính đến ngày 11/12/2019 là 754.895.891 đồng (nợ gốc là 600.000.000 đồng + lãi trong hạn là 105.037.261 đồng + lãi quá hạn là 49.858.630 đồng). Ông Trần Thiện H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, cho đến khi trả hết nợ.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0046/2015/7505892/HĐBĐ ngày 03/12/2015 giữa ông Trần Thiện H1, bà Phạm Thị Ngọc H2 và ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Nam, có hiệu lực.

Trong trường hợp ông Trần Thiện H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0046/2015/7505892/HĐBĐ ngày 03/12/2015 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 30/12/2019, ông Trần Tấn T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất số 350, quyền số 02, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa ông Tài và ông H1 là hợp pháp và công nhận thửa đất số 2724, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1.

Vào ngày 31/12/2019, ông Trần Thiện H1 và bà Phạm Thị Ngọc H2 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Vào ngày 31/12/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc đòi phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp ông Trần Thiện H1 không trả nợ cho ngân hàng.

Vào ngày 02/01/2020, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất số 094, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa bà Trần Thị T và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2728, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m² tại khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1.

Cùng vào ngày 03/01/2020, các đương sự khác có đơn kháng cáo như sau:

-Ông Nguyễn Văn Th kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 094, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa bà Trần Thị T và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2728, tờ bản đồ số 20, diện tích 200m² tại khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1;

-Bà Trương Thị H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 625, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa ông Nguyễn Văn Th1 và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2723, tờ bản đồ số 20, diện tích 200m² tại khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1;

-Ông Nguyễn Thái T và bà Nguyễn Bé Ng kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 625, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa ông Nguyễn Văn Th1 và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2723, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m², khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1; yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 094, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa bà Trần Thị T và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2728, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m², khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1.

Cùng vào ngày 07/01/2020, các đương sự khác có đơn kháng cáo như sau:

-Ông Nguyễn Văn L kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 094, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa bà Trần Thị T và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2728, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m², khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1;

-Bà Nguyễn Bé Ph kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 625, quyền số 04, 2010 TP/CC-

SCC/HĐGD ký kết giữa ông Nguyễn Văn Th1 và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất 2723, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m², khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1; yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 094, quyền số 04, 2010 TP/CC-SCC/HĐGD ký kết giữa bà Trần Thị T và ông Trần Thiện H1 là đúng quy định của pháp luật và công nhận thửa đất số 2728, tờ bản đồ số 20, diện tích 200 m², địa chỉ khu vực 1, phường 3, thị xã Vị Thanh (nay là thành phố VT), tỉnh Hậu Giang, loại đất ODT, là tài sản hợp pháp của ông Trần Thiện H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

-Bà Nguyễn Thị H, là nguyên đơn, có kháng cáo nhưng có đơn ghi ngày 28/03/2021 yêu cầu hoãn phiên tòa Phúc thẩm do đương sự bị tái phát bệnh cao huyết áp;

-Ông Trần Thiện H1 và bà Phạm Thị Ngọc H2, là bị đơn (bà H2 ủy quyền cho ông H1 tham gia tố tụng), có kháng cáo, vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên;

-Ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thái T, bà Nguyễn Bé Ng, ông Nguyễn Văn Th (ông Hồng, ông Sơn, ông Lâm, ông Thái Tử, bà Ngọc, ông Thiện cùng ủy quyền cho ông Tài tham gia tố tụng), vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên;

-Bà Trương Thị H và bà Nguyễn Bé Ph, là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có kháng cáo, nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, hai đương sự này không có văn bản nào để thay đổi những yêu cầu kháng cáo đã nêu ra tại đơn kháng cáo đã nộp cho Tòa án;

-Những đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa Phúc thẩm nhưng họ không có văn bản nào thay đổi ý kiến đã nêu ra trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án Sơ thẩm.

Tại “Bản tự khai” ghi ngày 19/03/2021, ông Bùi Lê Đăng Khoa, là người đại diện của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Tây Đô thừa nhận rằng sau khi xét xử Sơ thẩm, vào ngày 04/06/2020, ông Trần Thiện H1 đã trả xong các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 004/2017/7505892/HĐTD ngày 15/02/2017 và ngân hàng đã giải chấp số tài sản mà ông Trần Thiện H1 thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0046/2015/7505892/HĐBĐ ngày 03/12/2015 (tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo 02 giấy chứng nhận QSDĐ số CH05296 và giấy chứng nhận QSDĐ số CH05297 do UBND thành phố VT cấp vào ngày 14/09/2015). Vì vậy, ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và yêu cầu nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông Trần Thiện H1 trình bày ý kiến như sau:

Luật sư đề nghị Tòa án cấp Sơ thẩm hủy bản án Sơ thẩm vì những lý do sau đây:

-Các đương sự Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th (và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Th1) tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đồng ý rút lại yêu cầu độc lập mà bà Trần Thị T, khi còn sống, đã nêu ra. Đúng ra, Tòa án cấp Sơ thẩm phải đình chỉ xem xét yêu cầu của bà Trần Thị T. Tuy nhiên, Tòa án cấp Sơ thẩm cho rằng trong những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị T, có bà Nguyễn Thị H và người này không đồng ý rút yêu cầu độc lập của bà Trần Thị T, nên vẫn cần phải xem xét yêu cầu độc lập của bà Trần Thị T.

Lập luận nói trên của Tòa án cấp Sơ thẩm là vi phạm thủ tục tố tụng, bởi vì bà Nguyễn Thị H đã tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, nên không thể cùng tham gia trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

-Các tài sản là nhà, 08 dãy phòng trọ và cây trồng có trên những phần đất tranh chấp, là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân của ông Trần Thiện H1-bà Phạm Thị Ngọc H2. Nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp Sơ thẩm không xác định bà Phạm Thị Ngọc H2 cũng là một trong những chủ sở hữu tài sản, là không đúng pháp luật;

-Quyền sử dụng đất mà ông Trần Thiện H1 nhận được từ các đương sự có tranh chấp trong vụ án này, đều xuất phát từ giao dịch chuyển nhượng có trả tiền, không phải là hợp đồng tặng-cho tài sản thông thường. Sau khi những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập (vào năm 2010), hơn 05 năm sau, gia đình bà Nguyễn Thị H mới lập văn bản là “*Tờ hợp gia đình*” ghi ngày 18/01/2015. Tòa án cấp Sơ thẩm căn cứ vào “*Tờ hợp gia đình*” ngày 18/01/2015 và những lời khai của bà Nguyễn Thị H (cùng với những đương sự có cùng quyền lợi của bà Nguyễn Thị H) để cho rằng những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã lập trước đó (năm 2010) là giả tạo; lập luận của Tòa án cấp Sơ thẩm là không có căn cứ pháp luật;

-Bản án Sơ thẩm tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Thiện H1 đứng tên tại thửa số 2725, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41, diện tích 200 m²) và tại thửa số 2726, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 41, diện tích 200 m²) nhưng vẫn tuyên rằng ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Tây Đô được quyền phát mại số tài sản này, nếu ông Trần Thiện H1 không trả nợ; việc tuyên án như vậy là mâu thuẫn về mặt pháp lý.

(có văn bản ghi ngày 31/03/2021 của Luật sư Vũ Quốc Toàn kèm theo).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng: đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Vào cuối năm 2009, vợ-chồng ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H lập hợp đồng, tặng-cho các người con (gồm có: bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Ngọc V, ông Trần Thiện H1), tặng-cho bà Trần Thị T (là mẹ của bà H) và tặng cho ông Nguyễn Văn Th1 (là em ruột của bà H; ông Thiết đã chết vào năm 2013), mỗi người 200 m² đất (là các thửa đất số 2722; 2723, nay là thửa 49; 2724; 2725; 2726; 2727; 2728; 2729; 2730) tại thành phố VT, tỉnh Hậu Giang. Sau đó, vào năm 2010, những đương sự nói trên cùng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Thiện H1 và đương sự đã đứng tên là chủ sử dụng đất hợp pháp.

Mặc dù vậy, có căn cứ xác định rằng việc ông Trần Thiện H1 đứng tên chủ sử dụng những phần đất tranh chấp nói trên, chỉ là việc đứng tên giúp cho ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H.

Như vậy, việc Tòa án cấp Sơ thẩm xét xử, hủy bỏ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà các đương sự, gồm có: ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H, bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Ngọc V, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn Th1, xác lập với ông Trần Thiện H1, là đúng pháp luật.

Riêng đối với việc ông Trần Thiện H1 thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-chi nhánh Tây Đô, vì ngân hàng là người thứ ba nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngay tình, nên ngân hàng có quyền phát mại quyền sử dụng đất mà ông Trần Thiện H1 đã thế chấp.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án Sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1]Tòa án cấp Phúc thẩm mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 27/10/2020 nhưng phải hoãn phiên tòa do có đương sự vắng mặt lần thứ nhất mà không có lý do.

Tòa án cấp Phúc thẩm mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày hôm nay, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, trong tổng số 12 người kháng cáo, số người có mặt tại phiên tòa là 09 người (có người vắng mặt nhưng đã có người đại diện của họ có mặt và tham gia tố tụng); số người vắng mặt 03 người (bà Nguyễn Thị H; bà Phạm Thị Ngọc H2 và bà Nguyễn Bé Ph).

Xét thấy, đối với 03 người có kháng cáo vắng mặt nói trên, kháng cáo của họ trùng với kháng cáo của 09 người còn lại đã có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án cấp Phúc thẩm không đình chỉ xét xử Phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị Ngọc H2 và bà Nguyễn Bé Ph, mà vẫn tiến hành xét xử chung với những kháng cáo của các đương sự khác; việc xét xử Phúc thẩm tiến hành theo thủ tục chung.

[1.2] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án:

Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định rằng đương sự trong vụ-việc dân sự bao gồm: nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 73; Điều 74 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự nói chung; quyền, nghĩa vụ của từng người tham gia tố tụng, nói riêng (bởi vì quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là khác nhau) và việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Theo sự quy định của những điều luật viện dẫn nói trên, thì đương sự, khi tham gia tố tụng trong vụ án, họ chỉ có thể tham gia với một tư cách pháp lý nhất định: là nguyên đơn; là bị đơn hoặc là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong vụ án này, Tòa án cấp Sơ thẩm xác định không đúng về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cụ thể như sau:

-Bà Nguyễn Thị H, vốn dĩ là đồng nguyên đơn với ông Trần Ngọc V để khởi kiện vụ án (bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Trần Ngọc V). Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp Sơ thẩm, ông Trần Ngọc V chết (vào ngày 21/08/2017). Sau đó, Tòa án cấp Sơ thẩm xác định rằng bà Nguyễn Thị H, vừa tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, vừa tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc V (cũng với tư cách là nguyên đơn); sự xác định như vậy là trùng lặp, không đúng pháp luật. Tương tự là việc tiếp tục xác định bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Quang T (chết vào ngày 03/07/2019);

-Sau khi ông Trần Ngọc V chết (vào ngày 21/08/2017), Tòa án cấp Sơ thẩm xác định rằng 08 người con của ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H (gồm có bà Trần Thị Tuyết Ng; ông Trần Minh T; ông Trần Quang V; ông Trần Quang T; bà Trần Bích N; ông Trần Ngọc V; bà Trần Thị H; ông Trần Tấn T)

tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc V (là nguyên đơn). Tuy nhiên, sau đó, Tòa án cấp Sơ thẩm lại tiếp tục xác định những người này, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, trong vụ án này, các đương sự: bà Trần Thị Tuyết Ng; ông Trần Minh T; ông Trần Quang V; ông Trần Quang T; bà Trần Bích N; ông Trần Ngọc V; bà Trần Thị H; ông Trần Tấn T, đã được Tòa án cấp Sơ thẩm cho phép tham gia tố tụng với hai tư cách khác nhau: vừa là nguyên đơn (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc V) và vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; điều đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng Dân sự.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Vào năm 2009, vợ-chồng ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H lập hợp đồng, chuyển nhượng cho các người con, gồm có: bà Trần Bích N, bà Trần Thị H, ông Trần Tấn T, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Ngọc V, ông Trần Thiện H1; chuyển nhượng cho bà Trần Thị T (là mẹ của bà Nguyễn Thị H) và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Th1 (là em ruột của bà Nguyễn Thị H), mỗi người được nhận 200 m² đất (là các thửa đất số 2722; 2723, nay là thửa 49; 2724; 2725; 2726; 2727; 2728; 2729; 2730) tại thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Sau đó, vào năm 2010-2011, tất cả những đương sự nói trên tiếp tục ký kết hợp đồng, cùng chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông Trần Thiện H1 và cho đến nay, ông Trần Thiện H1 vẫn đứng tên là chủ sử dụng đất hợp pháp.

[2.2]Tòa án cấp Sơ thẩm căn cứ vào nội dung của văn bản “*Tờ hợp gia đình*” ghi ngày 18/01/2015; lời khai của bà Nguyễn Thị H và lời khai của những người có cùng quyền lợi; căn cứ vào thực tế chiếm hữu đất...để cho rằng những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, là hợp đồng giả tạo. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp Sơ thẩm tuyên hủy bỏ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xác lập giữa các đương sự nói trên.

Xét thấy, việc giải quyết của Tòa án cấp Sơ thẩm là chưa có căn cứ pháp luật; lý do như sau:

[2.2.1]Điều 692 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất như sau:

“Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai”.

Điều 722 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, như sau:

“Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao quyền sử dụng đất cho bên được tặng cho mà không yêu

cầu đền bù, còn bên được tặng cho đồng ý nhận theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai”.

Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất, như sau:

“1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này”.

Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về việc tặng cho bất động sản, như sau:

“1. Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.

2. Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký; nếu bất động sản không phải đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm chuyển giao tài sản”.

Toàn bộ văn bản pháp luật viện dẫn trên đều xác định rằng thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, là thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất.

Xét, quyền sử dụng đất mà ông Trần Thiện H1 được xác lập trong vụ án này đều xuất phát từ những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hai hình thức: (1) là hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất không có đền bù; (2) là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đền bù bằng tiền. Các hợp đồng đó, xuất phát từ quyền sử dụng đất gốc của ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H, đều đã trải qua hai lần chuyển dịch hợp pháp, như sau:

-Lần chuyển dịch thứ nhất dưới hình thức là hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất không có đền bù: từ ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H chuyển dịch quyền sử dụng đất cho các đương sự Trần Bích N, Trần Thị H, Trần Tấn T, Trần Thiện H1, Trần Ngọc V (những người con của ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H), Nguyễn Văn G (con rể của ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H), Nguyễn Thị Th (con dâu của ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H), Nguyễn Thị T (là mẹ của bà Nguyễn Thị H), Nguyễn Văn Th1 (là em của bà Nguyễn Thị H);

-Lần chuyển dịch thứ hai dưới hình thức là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có trả tiền (ít nhất là 10.000.000 đồng: hợp đồng ký kết giữa ông Nguyễn Văn Th1 với ông Trần Thiện H1 vào ngày 07/12/2010; nhiều nhất là 50.000.000 đồng: hợp đồng ký kết giữa ông Trần Tấn T với ông Trần Thiện H1 vào ngày 06/05/2010) và một hợp đồng dưới hình thức tặng-cho quyền sử dụng đất nhưng phải trả tiền (hợp đồng ký kết giữa bà Trần Thị H với ông Trần Thiện

H1 vào ngày 10/05/2010; số tiền phải trả là 21.000.000 đồng): từ các đương sự Trần Bích N, Trần Thị H, Trần Tấn T, Trần Ngọc V, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Th1 (đã nhận chuyển dịch từ ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H nói trên), chuyển dịch lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Trần Thiện H1;

-Tất cả hai lần chuyển dịch nói trên đều xảy ra vào năm 2009 và năm 2010; các hợp đồng đều được chứng thực hợp pháp và đều được đăng ký quyền sử dụng đất hợp pháp.

Như vậy, quyền sử dụng đất mà ông Trần Thiện H1 được xác lập thông qua những hợp đồng nói trên, là những giao dịch có trả tiền, được chứng thực hợp pháp và đương sự đã hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trước khi giao dịch, vào thời điểm giao dịch và sau khi giao dịch, không có bằng chứng nào cho thấy rằng những giao dịch đó là giả tạo để che giấu một giao dịch nào đó như Tòa án cấp Sơ thẩm đã nhận xét. Cũng cần lưu ý rằng đối với bất động sản, việc chứng minh quyền sở hữu (hoặc quyền sử dụng) hợp pháp phải chứng minh bằng văn bản; lời khai của người làm chứng, của đương sự liên quan, bằng chứng về sự chiếm hữu.....chỉ mang tính cách tham khảo, xét trong mối liên hệ với bằng chứng bằng văn bản về quyền sở hữu bất động sản vốn dĩ đã có trong hồ sơ vụ án.

[2.2.2]Về “*Tờ hợp gia đình*” ghi ngày 18/01/2015:

Văn bản nói trên có chữ ký của những người tham gia sau đây:

-Bà Trần Thị T; ông Trần Ngọc V; bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn Giàu; bà Trần Thị H; ông Trần Thiện H1; bà Phạm Thị Ngọc H2 và bà Trần Bích N. Nội dung chính của văn bản ghi như sau:

“Cuộc họp gia đình lúc 2 giờ chiều ngày 18 tháng 01 năm 2015 đến 05 giờ chiều kết luận chồng là Trần Thiện H1 vợ là Phạm Thị Ngọc H2 đã thống nhất và hứa chuyển lại hết số thổ cư (gồm có nhà ở và 08 phòng nhà trọ)”.

So sánh “*Tờ hợp gia đình*” ghi ngày 18/01/2015 với những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đã nêu trên, xét thấy có những khác biệt về mặt pháp lý, như sau:

-“*Tờ hợp gia đình*” ghi ngày 18/01/2015 không có sự tham gia đầy đủ của những người đã tham gia ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Thiện H1 vào năm 2010;

-“*Tờ hợp gia đình*” ghi ngày 18/01/2015 là văn bản được xác lập sau 05 năm, khi những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thực hiện hoàn tất vào năm 2010. Nội dung của văn bản này không thể hiện rõ ràng về những phần đất nào mà ông Trần Thiện H1-bà Phạm Thị Ngọc H2 sẽ chuyển lại cho ông Trần Ngọc V-bà Nguyễn Thị H; không rõ ràng về lý do phải chuyển nhượng

lại và không xác định rằng những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn tất vào năm 2010 nói trên, là những hợp đồng giả tạo.

[2.2.3] Trong phần quyết định của mình, Tòa án cấp Sơ thẩm tuyên bố tất cả hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất tại các thửa số 46, 47 tờ bản đồ số 41 thành phố VT, tỉnh Hậu Giang xác lập với ông Trần Thiện H1, là hợp đồng vô hiệu; tuyên bố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Trần Thiện H1 (trang 21 của bản án Sơ thẩm), nhưng vẫn tiếp tục tuyên rằng ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được quyền phát mại quyền sử dụng đất tại các thửa số 46, 47 tờ bản đồ số 41 thành phố VT, tỉnh Hậu Giang, để thu hồi khoản tiền đã cho ông Trần Thiện H1 vay (trang 23 của bản án Sơ thẩm), là mâu thuẫn về mặt pháp lý.

[3] Với những tình tiết, chứng cứ phân tích nói trên, Tòa án cấp Phúc thẩm hủy bản án Sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp Sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 270; Điều 293; Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1/Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thiện H1 và bà Phạm Thị Ngọc H2. Hủy bản án Dân sự Sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết lại vụ án.

2/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu.

Trả lại cho các đương sự có tên dưới đây, số tiền mà họ đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang, như sau:

-Bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003394 ngày 02/01/2020.

-Ông Trần Thiện H1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003393 ngày 31/12/2019.

-Bà Phạm Thị Ngọc H2 số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003392 ngày 31/12/2019.

-Ông Trần Tấn T số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003391 ngày 31/12/2019.

-Ông Nguyễn Văn H số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003397 ngày 02/01/2020.

-Ông Nguyễn Văn S số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003396 ngày 02/01/2020.

-Ông Nguyễn Thái T số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003400 ngày 03/01/2020.

-Bà Nguyễn Bé Ng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003399 ngày 03/01/2020.

-Bà Trương Thị H số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003398 ngày 03/01/2020.

-Ông Nguyễn Văn Th số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003301 ngày 03/01/2020.

-Bà Nguyễn Bé Ph số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003303 ngày 09/01/2020.

-Ông Nguyễn Văn L số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003304 ngày 09/01/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng